

Số: 2203-~~AA~~./TTr-HĐQT.2021

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2021
Ho Chi Minh City, March 22nd, 2021

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
SUBMISSION TO ANNUAL GENERAL
MEETING OF SHAREHOLDERS OF 2021**

V/v: Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi
Ref: To approve the revised Internal regulation on corporate governance

Căn cứ/ Pursuant to:

- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Securities Law No. 54/2019/QH14 on November 26th, 2019;
- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
Enterprise Law No. 59/2020/QH14 on June 17th, 2020;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
Decree No. 155/2020/ND-CP on December 31st, 2020;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020;
Circular No. 116/2020/TT-BTC on December 31st, 2020;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt ("Nhãn hiệu Việt").
Charter of Viet Brand Invest Joint Stock Company ("Viet Brand").

Để tuân thủ những quy định của Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Thông tư 116/2020/TT-BTC, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt đã được sửa đổi, bổ sung phù hợp với Quy chế nội bộ về quản trị công ty mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng.

In order to comply with the provisions of Decree 155/2020/ND-CP and Circular 116/2020/TT-BTC, the Internal regulation on corporate governance of Viet Brand Invest Joint Stock Company has been amended and supplemented in accordance with the applicable sample Internal regulation on corporate governance for public companies.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi như đính kèm.

Board of Directors of Viet Brand Invest Joint Stock Company would like to propose to Annual General Meeting of Shareholders to approve the revised Internal regulation on corporate governance with the following adjustment as attached.

Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua.

Board of Directors would like to propose to Annual General Meeting of Shareholders of 2021 to consider to approve.

Trân trọng./ *Best regards.*

Đính kèm/ Enclosure:

1. Bảng so sánh Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành và sửa đổi;
Comparison table of current and revised Internal regulation on corporate governance;
2. Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi.
The revised Internal regulation on corporate governance.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
CHAIRMAN OF BOARD OF DIRECTORS**



HO, FENG TAO

TÓM TẮT CÁC ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	CƠ SỞ PHÁP LÝ
CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG		
Điều 2. Giải thích thuật ngữ f. “Công ty đại chúng” là công ty cổ phần được quy định tại <u>khoản 1 Điều 25 Luật chứng khoán</u> ; k. Người có liên quan”: là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, <u>khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán số 70/2006/QH11</u> ;	Điều 2. Giải thích thuật ngữ f. Công ty đại chúng” là công ty cổ phần được quy định tại <u>khoản 1 Điều 32 Luật chứng khoán</u> ; k. Người có liên quan”: là cá nhân, tổ chức được quy định tại <u>khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14</u> ;	
CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG		
	I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN VÀ BẤT THƯỜNG Mục 1: Quy định chung <u>Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</u> 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau: Điểm a đến điểm n 2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau: Điểm a đến điểm g	Bổ sung Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông theo <i>Điều 2.1 Phụ lục II/ Thông tư số 116/2020/TT-BTC</i>

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty hiện hành

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	CƠ SỞ PHÁP LÝ
	<p>Mục 2: Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p><u>Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông</u></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường <p>Điểm a đến điểm d</p>	<p>Bổ sung Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo <i>Điều 2.2.a Phụ lục II/ Thông tư số 116/2020/TT-BTC</i></p>
	<p>Mục 2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p><u>Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp</u></p> <p>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Bổ sung Quy định về việc Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp Theo <i>Điều 2.2.b Phụ lục II/ Thông tư số 116/2020/TT-BTC</i></p>
<p>Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ</p> <p>Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật chứng khoán áp dụng cho các Công ty đại chúng quy mô lớn.</p>	<p>Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ</p> <p>HĐQT tổ chức họp và ban hành Nghị quyết HĐQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng và lập danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội. Nghị quyết HĐQT phải được công bố thông tin <u>chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</u></p>	

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty hiện hành

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	CƠ SỞ PHÁP LÝ
Điều 4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ <u>Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được gửi chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư)</u>	Điều 7. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ <u>Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được gửi chậm nhất là hai mươi một ngày (21) ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ</u> (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ)	<i>Điều 143.1 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14</i>
	<u>Điều 8. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông</u> Khoản 1 đến khoản 3	Bổ sung Quy định về việc Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông Theo <i>Điều 2.2.đ Phụ lục II/ Thông tư số 116/2020/TT-BTC</i>
	<u>Điều 9. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông</u> Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do Công ty phát hành (người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp) và phải có chữ ký theo quy định cụ thể như sau: Điểm a đến điểm d	Bổ sung Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông Theo <i>Điều 2.2.e Phụ lục II/ Thông tư số 116/2020/TT-BTC</i>
	<u>Điều 11. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ</u> Khoản 1 đến khoản 3	Bổ sung Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ Theo <i>Điều 2.2.h Phụ lục II/ Thông tư số 116/2020/TT-BTC</i>

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty hiện hành

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	CƠ SỞ PHÁP LÝ
	<p><u>Điều 12. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</u></p> <p>Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p>Bổ sung Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Theo <i>Điều 2.2.i Phụ lục II/ Thông tư số 116/2020/TT-BTC</i></p>
	<p><u>Điều 15. Điều kiện để nghị quyết được thông qua</u></p> <p>Khoản 1 đến khoản 3</p>	<p>Bổ sung Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Theo <i>Điều 2.2.m Phụ lục II/ Thông tư số 116/2020/TT-BTC</i></p>
	<p><u>Điều 16. Thông báo kết quả kiểm phiếu</u></p> <p>Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.</p>	<p>Bổ sung Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Theo <i>Điều 2.2.n Phụ lục II/ Thông tư số 116/2020/TT-BTC</i></p>
	<p>II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI VIỆC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN</p> <p><u>Điều 20. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản</u></p> <ol style="list-style-type: none"> Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: Điểm a đến điểm g Các vấn đề được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản 	<p>Bổ sung Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản Theo <i>Điều 2.3.a Phụ lục II/ Thông tư số 1316/2020/TT-BTC</i></p>

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty hiện hành

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	CƠ SỞ PHÁP LÝ
	để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.	
	<u>Điều 21.1 HĐQT tổ chức họp và ban hành Nghị quyết HĐQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng và lập danh sách cổ đông lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Nghị quyết HĐQT phải được công bố thông tin chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</u>	Bổ sung Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản Theo Điều 2.3.b Phụ lục II/ Thông tư số 116/2020/TT-BTC
	III. HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN <u>Điều 22. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến</u>	Bổ sung Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức trực tuyến Theo Điều 2.4 và Điều 2.5 Phụ lục II/ Thông tư số 116/2020/TT-BTC
	<u>Điều 23. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến</u>	
CHƯƠNG III. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
	<u>Điều 24. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT</u> HĐQT có các quyền, nghĩa vụ của HĐQT: Điểm a đến điểm q	Bổ sung Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT Theo Điều 3.1 Phụ lục II/ Thông tư số 116/2020/TT-BTC

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty hiện hành

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	CƠ SỞ PHÁP LÝ
	<p><u>Điều 25.1 Nhiệm kỳ, số lượng và cơ cấu thành viên HĐQT</u></p> <p>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá ba (03) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế; nhiệm kỳ thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p>	<p>Bổ sung Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT Theo <i>Điều 3.2.a Phụ lục II/ Thông tư số 116/2020/TT-BTC</i></p>
<p>Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT</p> <p>Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp:</p> <p>a. <u>Là cổ đông sở hữu ít nhất 05% tổng số cổ phần phổ thông hoặc là do các cổ đông sáng lập đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông. Các cổ đông được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các thành viên HĐQT;</u></p> <p>b. <u>Không được từng là thành viên HĐQT hoặc đại diện theo pháp luật của một công ty bị</u></p>	<p>Điều 25.2.a Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>i. <u>Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;</u></p> <p>ii. <u>Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;</u></p>	<p><i>Điều 155.1 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14</i></p>

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty hiện hành

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	CƠ SỞ PHÁP LÝ
<p><u>phá sản hoặc bị cấm hoạt động do những vi phạm pháp luật nghiêm trọng;</u></p> <p>c. <u>Không phải là nhân viên kiểm toán của một đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán cho Công ty trong vòng 01 năm;</u></p> <p>d. <u>Ưu tiên những thành viên làm việc và gắn bó lâu năm với Công ty, không kiêm nhiệm tại các tổ chức không thuộc Công ty.</u></p> <p>e. <u>Các thành viên HĐQT cần có những phẩm chất và năng lực sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Nhân được sự tin tưởng của cổ đông (phản ánh qua việc các cổ đông biểu quyết ủng hộ), các thành viên khác trong HĐQT, cán bộ quản lý và nhân viên của Công ty;</u> - <u>Có khả năng cân bằng lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan và đưa ra những quyết định hợp lý;</u> - <u>Có kinh nghiệm chuyên môn và trình độ học vấn cần thiết để điều hành hoạt động Công ty một cách hiệu quả;</u> - <u>Có kinh nghiệm kinh doanh quốc tế, am hiểu các vấn đề địa phương, hiểu biết về thị trường, sản phẩm và đối thủ cạnh tranh;</u> 	<p>iii. <u>Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác.</u></p>	

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty hiện hành

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	CƠ SỞ PHÁP LÝ
<p>- <u>Có khả năng biến kiến thức và kinh nghiệm thành các giải pháp thực tiễn.</u></p>		
	<p><u>Điều 25.2.b Thành viên độc lập HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</u></p> <p>i. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty con của Công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó; không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; không phải là người có vợ hoặc chồng, cha ruột, cha nuôi, mẹ ruột, mẹ nuôi, con ruột, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty; không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty; không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó.</p>	<p><i>Điều 155.2 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14</i></p>

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty hiện hành

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	CƠ SỞ PHÁP LÝ
	ii. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị liên quan.	
<p>Điều 14.1 Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT</p> <p><u>Các cổ đông nắm giữ tối thiểu năm phần trăm (05%) số cổ phần trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp một số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT</u></p>	<p>Điều 25.7 Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT</p> <p>Lướt bỏ: <u>Thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng</u></p>	<p><i>Điều 115.5 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14</i></p>

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty hiện hành

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	CƠ SỞ PHÁP LÝ
	<p><u>Điều 25.8 Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT</u></p> <p>Điểm a đến điểm c</p>	<p>Bổ sung Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT Theo <i>Điều 3.2.h Phụ lục II/ Thông tư số 116/2020/TT-BTC</i></p>
	<p><u>Điều 26. Thù lao và các khoản lợi ích của thành viên HĐQT</u></p> <p>Khoản 1 đến khoản 2</p>	<p>Bổ sung Thù lao và các khoản lợi ích của thành viên HĐQT Theo <i>Điều 3.3 Phụ lục II/ Thông tư số 116/2020/TT-BTC</i></p>
	<p>Điều 27. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT</p> <p>1. <u>Số lượng cuộc họp tối thiểu của HĐQT</u> <u>HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần.</u></p> <p>2. <u>Các trường hợp phải triệu tập họp HĐQT bất thường</u> <u>Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT trong trường hợp sau đây:</u></p> <p>a. <u>Có đề nghị của BKS hoặc thành viên độc lập HĐQT;</u></p> <p>b. <u>Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</u></p> <p>c. <u>Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT;</u></p> <p>d. <u>Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.</u></p>	<p>Bổ sung Số lượng cuộc họp tối thiểu của HĐQT và Các trường hợp phải triệu tập họp HĐQT bất thường Theo <i>Điều 3.4.a,b Phụ lục II/ Thông tư số 116/2020/TT-BTC</i></p>

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty hiện hành

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	CƠ SỞ PHÁP LÝ
	<p><u>Điều 29. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty</u></p> <p>Khoản 1 đến khoản 5</p>	Bổ sung Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty Theo <i>Điều 3.7 Phụ lục II/ Thông tư số 116/2020/TT-BTC</i>
CHƯƠNG IV. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT		
	<p><u>Điều 30. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của thành viên BKS</u></p> <p>BKS có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau: Điểm a đến điểm j</p>	Bổ sung Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của thành viên BKS Theo <i>Điều 4.1 Phụ lục II/ Thông tư số 116/2020/TT-BTC</i>
	<p><u>Điều 31.1 Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên BKS</u></p> <p>Số lượng thành viên Ban kiểm soát là ba (3) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên BKS không quá ba (03) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	Bổ sung Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên BKS Theo <i>Điều 4.2.a Phụ lục II/ Thông tư số 116/2020/TT-BTC</i>

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty hiện hành

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	CƠ SỞ PHÁP LÝ
<p>Điều 27. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. <u>Từ 21 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Quy chế này;</u> 2. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác; Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; 3. Có trình độ chuyên môn về các lĩnh vực hoạt động mà Công ty hiện có; 4. <u>Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành tài chính, ngân hàng.</u> 	<p>Điều 31.2 Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên BKS</p> <ol style="list-style-type: none"> a. <u>Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;</u> b. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác; c. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty; d. <u>Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</u> e. <u>Không là thành viên hoặc nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;</u> f. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty. 	<p><i>Điều 169 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14</i></p>

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty hiện hành

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	CƠ SỞ PHÁP LÝ
<p>Điều 28. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên</p> <p>Các cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời <u>han liên tục ít nhất 06 tháng</u> có thể tập hợp phiếu bầu với nhau để đề cử các ứng viên vào BKS</p>	<p><u>Điều 31.3 Đề cử, ứng cử thành viên BKS</u></p> <p>Lượt bỏ: <u>Liên tục ít nhất 06 tháng</u></p>	<p><i>Điều 115.5 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14</i></p>
	<p><u>Điều 31.7 Thù lao và quyền lợi khác của thành viên BKS</u></p> <p>Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>	<p>Bổ sung Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên BKS Theo <i>Điều 4.2.g Phụ lục II/ Thông tư số 116/2020/TT-BTC</i></p>
<p><u>CHƯƠNG V. NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP</u></p>	<p><u>CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC</u></p> <p>Chỉ quy định đối với Tổng Giám đốc</p>	
<p>Điều 33.3 Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>Điểm a đến j</p>	<p><u>Điều 32. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ Tổng Giám đốc</u></p> <p>Điểm a đến j</p> <p><u>k. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người</u></p>	

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty hiện hành

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	CƠ SỞ PHÁP LÝ
	<p><u>quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;</u></p> <p><u>l. Tuyển dụng lao động;</u></p> <p><u>m. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</u></p> <p><u>n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của HĐQT.</u></p>	
	<p><u>Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc</u></p> <p>Khoản 1 đến khoản 4</p>	<p>Bổ sung Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc Theo <i>Điều 5.2 Phụ lục II/ Thông tư số 116/2020/TT-BTC</i></p>
CHƯƠNG 6. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC		
	<p><u>Điều 34. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc</u></p> <p>Khoản 1 đến khoản 8</p> <p><u>Điều 35. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác</u></p>	<p>Bổ Quy định Các hoạt động khác Theo <i>Điều 6 Phụ lục II/ Thông tư số 116/2020/TT-BTC</i></p>

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty hiện hành

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	QUY CHẾ SỬA ĐỔI	CƠ SỞ PHÁP LÝ
CHƯƠNG IX: ĐIỀU KHOẢN THỰC HIỆN		
Điều 44. Ngày hiệu lực 1. Quy chế này <u>gồm 8 chương 44 điều, được ĐHĐCĐ thường niên 2020 thông qua ngày 19 tháng 05 năm 2020.</u> 2. <u>Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.</u>	Điều 42. Ngày hiệu lực Quy chế này <u>gồm 9 Chương 42 Điều, được ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua ngày..... tháng 04 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày này.</u>	

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty hiện hành

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN NHÃN HIỆU VIỆT

Mục lục

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG.....	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	2
Điều 2. Giải thích thuật ngữ.....	2
CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	4
I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN VÀ BẤT THƯỜNG.....	4
Mục 1: Quy định chung.....	4
Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	4
Mục 2: Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	5
Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông.....	5
Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp	6
Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 8. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 9. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông.....	7
Điều 11. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ.....	8
Điều 12. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 13. Cách thức bỏ phiếu trong ĐHĐCĐ	8
Điều 14. Cách thức kiểm phiếu	8
Điều 15. Điều kiện để nghị quyết được thông qua.....	9
Điều 16. Thông báo kết quả kiểm phiếu	9
Điều 17. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	9
Điều 18. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	9
Điều 19. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	10
II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI VIỆC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN.....	10
Điều 20. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản.....	10
Điều 21. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	10
III. HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN.....	12
Điều 22. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến.....	12
Điều 23. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến	12
CHƯƠNG III. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	12
Điều 24. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT	12
Điều 25. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT.....	13
Điều 26. Thù lao và các khoản lợi ích của thành viên HĐQT.....	16
Điều 27. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT.....	16

Điều 28. Các tiểu ban thuộc HĐQT.....	18
Điều 29. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	19
CHƯƠNG IV. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT	20
Điều 30. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của thành viên BKS	20
Điều 31. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên BKS	20
CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC.....	22
Điều 32. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ Tổng Giám đốc.....	22
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc	23
CHƯƠNG VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC	23
Điều 34. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc	23
Điều 35. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác.....	29
CHƯƠNG VII. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH.....	29
Điều 36. Trách nhiệm cân trọng	29
Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	29
Điều 38. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	30
CHƯƠNG VIII. CHẾ ĐỘ GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM	31
Điều 39. Giám sát	31
Điều 40. Xử lý vi phạm	31
CHƯƠNG IX. ĐIỀU KHOẢN THỰC HIỆN	31
Điều 41. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.....	31
Điều 42. Ngày hiệu lực	31

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÂN HIỆU VIỆT

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1504/NQ-ĐHĐCĐ.2021 ngày 15/04/2021.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Công ty cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị Công ty của Công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “Công ty”: là Công ty Cổ phần Nhân Hiệu Việt;
 - b. Đại hội đồng cổ đông (viết tắt là “ĐHĐCĐ”): là ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt;
 - c. Hội đồng quản trị (viết tắt là “HĐQT”): là HĐQT của Công ty;
 - d. Ban kiểm soát (viết tắt là “BKS”): là BKS của Công ty
 - e. “Quản trị Công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của Cổ đông và những tổ chức và cá nhân liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc Quản trị Công ty bao gồm:
 - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;

- Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, BKS;
 - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những tổ chức, cá nhân có liên quan đến Công ty;
 - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty.
- f. “Công ty đại chúng” là Công ty cổ phần được quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật chứng khoán;
- g. “Cổ đông lớn”: là cổ đông sở hữu ít nhất năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- h. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quyết định của HĐQT trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc;
- i. “Thành viên HĐQT không điều hành” (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;
- j. “Thành viên độc lập HĐQT” (sau đây gọi là Thành viên độc lập) là thành viên HĐQT đáp ứng các điều kiện sau:
- Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;
 - Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty;
 - Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, BKS của Công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó.
- k. “Người có liên quan”: là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14;
- l. “Điều lệ Công ty”: là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt.
- m. “Bỏ phiếu điện tử” là việc Cổ đông, người đại diện Cổ đông thực hiện biểu quyết theo hình thức điện tử thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử của Trung tâm lưu ký chứng khoán.
- n. “Phương thức truyền thống” là việc Công ty tiến hành họp, tổ chức biểu quyết, lấy ý kiến bằng văn bản theo phương thức được quy định tại Luật Doanh nghiệp và không

bao gồm việc thực hiện thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN VÀ BẤT THƯỜNG

Mục 1: Quy định chung

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên HĐQT, thành viên BKS gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho HĐQT, BKS;
 - k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế hoạt động BKS;
 - l. Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m. Chấp thuận các giao dịch sau:
 - i. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;
 - ii. Giao dịch có giá trị từ 20% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác của Công ty làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần;
 - Doanh nghiệp mà những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
- iii. Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
- n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;
 - d. Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng thành viên Ban kiểm soát;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

Mục 2: Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của HĐQT, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT hoặc thành viên BKS còn lại ít hơn như quy định tại Điều 15.3.(c) Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điều 15.3.(d), (e) Điều lệ Công ty.

- b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a khoản 2 điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, BKS phải thay thế HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
- c. Trường hợp BKS không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 15.3.(d) Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

- d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

HĐQT tổ chức họp và ban hành Nghị quyết HĐQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng và lập danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội. Nghị quyết HĐQT phải được công bố thông tin chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Thông báo họp ĐHĐCĐ phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp ĐHĐCĐ có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán; trên website của Công ty. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp ĐHĐCĐ có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp ĐHĐCĐ có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được gửi chậm nhất là hai mươi một ngày (21) ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

Điều 8. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 13.3 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ và tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 9. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do Công ty phát hành (người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp) và phải có chữ ký theo quy định cụ thể như sau:

- a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
- b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
- c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
- d. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể xác nhận việc tham dự họp ĐHĐCĐ theo một trong các cách thức sau: gửi giấy xác nhận tham dự họp ĐHĐCĐ đến Công ty; xác nhận với người được ghi tên trong Thông báo mời họp là người thay mặt Công ty tiếp nhận xác nhận tham dự họp.
2. Các cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 4 Điều 14 của Luật Doanh nghiệp 2020 thì ủy quyền cho người khác dự họp ĐHĐCĐ. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

3. Vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông cho các cổ đông có quyền dự họp có mặt.

Điều 11. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba (33%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 12. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 13. Cách thức bỏ phiếu trong ĐHĐCĐ

1. Thể thức bỏ phiếu biểu quyết theo phương thức truyền thống.
 - a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.
 - b. Cổ đông đến dự ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
2. Thể thức bỏ phiếu biểu quyết theo phương thức bỏ phiếu điện tử: Thực hiện theo Quy chế hướng dẫn bỏ phiếu điện tử của Công ty.

Điều 14. Cách thức kiểm phiếu

1. Thể thức kiểm phiếu biểu quyết theo phương thức truyền thống: Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ, số thẻ tán thành được thu trước, số thẻ không tán thành được thu sau. Cuối cùng đếm tổng số phiếu biểu quyết tán thành hay không tán thành để quyết định.
2. Thể thức kiểm phiếu biểu quyết theo phương thức bỏ phiếu điện tử: Thực hiện theo Quy chế hướng dẫn bỏ phiếu điện tử của Công ty.

Điều 15. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - f. Vấn đề khác do Điều lệ Công ty quy định.
4. Bầu thành viên HĐQT, BKS phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp.
5. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này.

Điều 16. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.

Điều 17. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều 13.3 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:
 - a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ Công ty;
 - b. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.
2. Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị huỷ bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại ĐHĐCĐ trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 18. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc; việc gửi biên

bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

2. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 19. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật chứng khoán.

II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI VIỆC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN

Điều 20. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản

1. Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty;
 - b. Định hướng phát triển Công ty;
 - c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và BKS;
 - e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
2. Các vấn đề được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 21. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. HĐQT tổ chức họp và ban hành Nghị quyết HĐQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng và lập danh sách cổ đông lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Nghị quyết HĐQT phải được công bố thông tin chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
2. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Việc lấy ý kiến có thể thực hiện theo phương thức truyền thống hoặc qua phương thức bỏ phiếu điện tử.
3. Lấy ý kiến bằng văn bản theo phương thức truyền thống:
 - a. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu

giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

b. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- iv. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- v. Mục đích lấy ý kiến;
- vi. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- vii. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- viii. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- ix. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- x. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

c. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

- i. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- ii. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- iii. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

d. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi đến các cổ đông trong thời vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

e. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

- f. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 4. Lấy ý kiến bằng văn bản theo phương thức bỏ phiếu điện tử: Thực hiện theo Quy chế hướng dẫn bỏ phiếu điện tử của Công ty.

III. HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN

Điều 22. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

Thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Quy chế tổ chức Hội nghị trực tuyến do Hội đồng Quản trị xây dựng và ban hành.

Điều 23. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

Thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Quy chế tổ chức Hội nghị trực tuyến do Hội đồng Quản trị xây dựng và ban hành.

CHƯƠNG III. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT

HĐQT có các quyền, nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

- j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 25. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Nhiệm kỳ, số lượng và cơ cấu thành viên HĐQT

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá ba (03) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế; nhiệm kỳ thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT

- a. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - i. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - ii. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;
 - iii. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác.
- b. Thành viên độc lập HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - i. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty con của Công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó; Không

phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; không phải là người có vợ hoặc chồng, cha ruột, cha nuôi, mẹ ruột, mẹ nuôi, con ruột, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty; không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty; Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó.

- ii. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị liên quan.

3. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
- f. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- g. Các thông tin khác (nếu có).

4. Cách thức bầu thành viên HĐQT

- a. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín tại Đại hội theo phương thức bầu dồn phiếu;
- b. Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của HĐQT.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT

a. Thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

- Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;
- Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
- Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng sáu (06) tháng, và trong thời gian này HĐQT không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Thành viên đó bị cách chức thành viên HĐQT theo quyết định của ĐHĐCĐ.

b. Bầu bổ sung thành viên HĐQT:

Việc bầu bổ sung thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định tại khoản 2,3,4,5 Điều này.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty.

7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

a. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu năm phần trăm (05%) số cổ phần có quyền họp thành nhóm để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (05%) đến dưới mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ bảy mươi phần trăm (70%) đến dưới tám mươi phần trăm (80%) được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ tám mươi phần trăm (80%) đến dưới chín mươi phần trăm (90%) được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

- b. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT

- a. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
- b. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.
- c. Chủ tịch HĐQT không được kiêm Tổng giám đốc.

Điều 26. Thù lao và các khoản lợi ích của thành viên HĐQT

- 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
- 2. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 27. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT

- 1. Số lượng cuộc họp tối thiểu của HĐQT
HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần.
- 2. Các trường hợp phải triệu tập họp HĐQT bất thường
Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của BKS hoặc thành viên độc lập HĐQT;
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT;
 - d. Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
- 3. Thông báo họp HĐQT
 - a. Thông báo và chương trình họp của HĐQT: Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT và các thành viên BKS ít nhất ba (03) ngày dương lịch trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp

bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT có thể được làm bằng văn bản tiếng Việt hoặc tiếng Anh và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

- b. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

4. Quyền dự họp HĐQT của thành viên BKS

Thành viên BKS có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

5. Điều kiện tổ chức họp HĐQT

Các cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày dương lịch kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

6. Cách thức biểu quyết

- a. Trừ quy định tại Điều 31.10.(b) Điều Lệ Công ty, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có một (01) phiếu biểu quyết. Các thành viên không trực tiếp tham dự cuộc họp sẽ có quyền biểu quyết bằng cách gửi văn bản phiếu. Văn bản phiếu sẽ được niêm phong trong phong bì và trao cho Chủ tịch HĐQT ít nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc cuộc họp. Văn bản phiếu sẽ chỉ được mở có sự chứng kiến của tất cả người tham dự cuộc họp;
- b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc Người có liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c. Theo quy định tại Điều 31.10.(d) Điều lệ Công ty, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên HĐQT khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;
- d. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 37.4.(a), (b) Điều lệ Công ty sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

7. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT

- a. HĐQT thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt trên năm mươi phần trăm (50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.
- b. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp. Nghị quyết này có thể được ký bởi Chủ tịch HĐQT.

8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

9. Lập biên bản họp HĐQT

Biên bản họp HĐQT: Cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác tại trụ sở Công ty. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh và phải có họ tên và chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp; người ghi biên bản và chủ tọa. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

10. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp HĐQT

Trường hợp nghị quyết Hội đồng quản trị đã được thông qua theo đúng quy định pháp luật nhưng có thành viên từ chối ký biên bản thì chữ ký xác nhận việc tham dự họp được coi là chữ ký của họ tại biên bản họp.

11. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT

Nghị quyết HĐQT phải được thông báo tới các bên có liên quan theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 28. Các tiểu ban thuộc HĐQT

1. HĐQT có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của HĐQT và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của HĐQT. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà HĐQT đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên HĐQT vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.

2. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 29. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty

Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Không đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- b. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT.

2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

- a. HĐQT của Công ty đại chúng phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- b. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Khi xét thấy sự cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể tuyển dụng thêm 01 Thư ký Công ty để hỗ trợ HĐQT và Chủ tịch HĐQT thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

- a. HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
- b. Đại hội đồng cổ đông có quyền bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;

- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và thành viên BKS;
- g. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 30. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của thành viên BKS

BKS có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- a. Đề xuất, kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- c. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
- d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Tổng Giám đốc và cổ đông.
- e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, BKS phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- f. Xây dựng Quy chế hoạt động của BKS và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- h. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty.
- i. Có quyền yêu cầu HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 31. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên BKS

1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên BKS

Số lượng thành viên Ban kiểm soát là (03) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên BKS không quá ba (03) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên BKS

- a. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- b. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- c. Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- d. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- e. Không là thành viên hoặc nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
- f. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

3. Đề cử, ứng cử thành viên BKS

- a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu năm phần trăm (05%) cổ phần có quyền hợp nhóm để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát.
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (05%) đến dưới mười phần trăm (10%) số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) thành viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) thành viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (4) ứng viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
- b. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, BKS và các cổ đông khác đề cử.

4. Cách thức bầu thành viên BKS

- a. Việc biểu quyết bầu thành viên BKS thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín tại Đại hội theo phương thức bầu dồn phiếu;
- b. Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của BKS.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS

Thành viên BKS không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên BKS;
 - b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của BKS có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của BKS liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này BKS không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên BKS theo quyết định của ĐHĐCĐ.
6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS
- Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.
7. Thù lao và quyền lợi khác của thành viên BKS
- Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 32. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do HĐQT đề xuất, và tư vấn để HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
- d. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- e. Hằng năm, trước ngày 31 tháng 12, Tổng Giám đốc phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp;
- f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua;
- g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

- h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật;
- j. Ký quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm các chức danh theo phê duyệt chủ trương của Hội đồng quản trị;
- k. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- l. Tuyển dụng lao động;
- m. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

1. Nhiệm kỳ, bổ nhiệm, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc
HĐQT sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá ba (03) năm trừ khi HĐQT có quy định khác và có thể tái bổ nhiệm.
2. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc
HĐQT có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc) và bổ nhiệm một (01) Tổng Giám đốc mới thay thế.
3. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc
Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.
4. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc
Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo trong ĐHCĐ thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

CHƯƠNG VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 34. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Điều 27 Quy chế này.

2. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT cho BKS

Nghị quyết, biên bản họp và quyết định HĐQT sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

3. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT cho Tổng Giám đốc

Nghị quyết HĐQT (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

4. Các trường hợp Tổng Giám đốc và BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

a. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp HĐQT

❖ BKS có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty của thành viên BKS không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.
- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT theo quy định tại Điều 40.1 Điều lệ Công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả.

❖ Tổng Giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy các quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 34.4 Điều lệ Công ty không được thi hành.
- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả.

b. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT:

- Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế quản trị nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;

- Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - Xin ý kiến HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Công ty.
5. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao
- Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
 - Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
 - Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;
 - Báo cáo hàng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng và người lao động;
 - Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được HĐQT và ĐHĐCĐ ủy quyền khác;
 - Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT.
6. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc
- Căn cứ vào báo cáo của Tổng Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 32 Quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT với Tổng Giám đốc.
7. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS
- a. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT
- Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

- Khi chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được Tổng Giám đốc trình để HĐQT thông qua;
 - Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp;
 - Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;
 - Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo pháp luật hiện hành;
 - Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.
- b. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho BKS
- Tổng Giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với BKS nhằm đảm bảo BKS thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - Báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT;
 - HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên BKS.
8. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các thành viên BKS và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên
- a. Phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT: BKS có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:
- Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
 - Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu cả Tổng Giám đốc) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm;

- Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trường BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
 - Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên HĐQT, BKS thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - Thành viên BKS có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật;
 - Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;
 - Các nội dung kiến nghị đến HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.
- b. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng Giám đốc: BKS có chức năng kiểm tra và giám sát
- Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên HĐQT) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm;
 - Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trường BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
 - Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của Tổng Giám đốc. BKS thông báo bằng văn bản với Tổng Giám đốc trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - Thành viên BKS có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;
 - Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của BKS phải

được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan;

- Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh Công ty của BKS phải được gửi đến Tổng Giám đốc trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

c. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và HĐQT: Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

- Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;
- Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
- Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;
- Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;
- Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật;
- Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại Khoản 4 Điều 34 Quy chế này HĐQT phải được gửi trước ít nhất là mười (10) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi HĐQT.

Điều 35. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác.

Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được HĐQT cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến độ và cải tiến đạt được, v.v...

CHƯƠNG VII. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 36. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi ĐHĐCĐ có quyết định khác, đồng thời thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý, hoặc những Người có liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên HĐQT, cán bộ quản lý hoặc những Người có liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên HĐQT đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào HĐQT hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới hai mươi (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong

báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được báo cáo cho HĐQT hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, HĐQT hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

- b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi (20%) của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
- c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc một tiểu ban trực thuộc HĐQT hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.
- d. Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý hay Người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con của Công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 38. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

- 1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
- 2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên HĐQT, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên HĐQT, thành viên BKS, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG VIII. CHẾ ĐỘ GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 39. Giám sát

Công ty, các cá nhân và tổ chức liên quan và các cổ đông Công ty phải chịu sự giám sát về Quản trị Công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Xử lý vi phạm

Công ty vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại Quy chế này tùy theo tính chất, mức độ mà sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG IX. ĐIỀU KHOẢN THỰC HIỆN

Điều 41. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này sẽ do HĐQT xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 42. Ngày hiệu lực

Quy chế này gồm 9 Chương 42 Điều, được ĐHCĐ thường niên 2021 thông qua ngày..... tháng 04 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày này.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

.....

